

# Chính phủ Hồ Chí Minh và bài toán về môi trường kinh tế - xã hội sau Cách mạng Tháng Tám

CAO TUẤN PHONG

**V**ấn đề quan hệ giữa môi trường và phát triển, đặc biệt là sự phát triển bền vững là một vấn đề lớn cả về lý thuyết và thực tiễn.

Trong các chương trình nghiên cứu trong nước cũng như trên thế giới, những khía cạnh của vấn đề này đã được bàn khá nhiều. Có thể thấy rằng trong nhiều công trình nghiên cứu, các tác giả đều nhấn mạnh đến những khía cạnh “không thuận” trong những mối quan hệ sau đây:

- Nếu phải lựa chọn giữa phát triển và môi trường, thì trong nhiều trường hợp phải “hy sinh” một phần nào đó môi trường để đảm bảo tốc độ phát triển cao. Đó là đáp số mà nhiều nước đang phát triển đã lựa chọn.

- Sự không đồng thuận giữa trình độ kinh tế và bảo vệ môi sinh. Việc bảo vệ môi trường hình như là việc của những nước giàu. Không có đủ tiền thì khó nói đến việc bảo vệ rừng, đảm bảo nước sạch, chống ô nhiễm...

- Sự không đồng thuận giữa môi trường và trình độ dân trí. Khó có thể nói tới việc bảo vệ môi trường thiên nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội... đối với trình độ dân trí còn quá thấp.

- Sự không đồng thuận với nhu cầu bảo vệ môi trường với đội ngũ cán bộ, chuyên gia. Không có một đội ngũ đông đảo các chuyên gia giỏi thì khó có thể tìm ra và thực thi những biện pháp để bảo vệ môi trường...

Tất cả những quan hệ kể trên đều là những vấn đề lý thuyết rất phức tạp và bài toán về quan hệ thuận - nghịch có thể còn chưa có lời giải cuối cùng.

Trong bài viết này, chúng tôi không bàn về những vấn đề lớn đó, mà chỉ tường thuật

lại ngắn gọn một thực tiễn lịch sử của Việt Nam cách đây 60 năm. Đó chính là thời kỳ của năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám.

Vào năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám, trình độ về mọi mặt của Việt Nam còn rất thấp kém: kinh tế, tài chính, dân trí, đội ngũ cán bộ... đều rất bất cập so với nhu cầu lịch sử đặt ra và yếu kém hơn rất nhiều so với ngày nay. Vậy mà Chính phủ cách mạng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, cùng với toàn dân đã giải quyết thành công hàng loạt bài toán, trong đó có những bài toán rất hóc búa về môi trường - cả môi trường chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...

## 1. Môi trường chính trị

Nếu có thể nói đến một khái niệm gọi là “môi trường chính trị”, thì môi trường chính trị tệ hại nhất là cảnh mất nước, là cảnh nô lệ. Trước Cách mạng, toàn dân tộc Việt Nam đã sống trong môi trường đó. Nỗi nhục mất nước đã là điều cay đắng của không biết bao nhiêu thế hệ, từ Hàm Nghi, Phan Đình Phùng đến Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học... Bao nhiêu người đã xả thân, đổ máu, sẵn sàng hy sinh mọi thứ để xóa nỗi nhục đó. Nhưng tất cả đều đã không thành công. Chỉ đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nỗi nhục đó mới được xóa.

Ngày 2-9-1945, một Nhà nước mới của dân tộc Việt Nam đã ra đời: Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Một môi trường chính trị hoàn toàn mới đã đến: môi trường độc lập, tự do, hạnh phúc. Trong bản Tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố: *nhân dân Việt Nam có quyền được*

*hưởng tự do độc lập và sự thật chúng ta được tự do độc lập...* Tất nhiên, để tạo ra môi trường đó, không phải chỉ trong một ngày, bằng một bản tuyên ngôn, mà phải trải qua gần một thế kỷ đấu tranh kiên cường, trả giá bằng bao nhiêu sinh mạng, bao nhiêu mồ hôi nước mắt của những chiến sĩ cách mạng...

Khi môi trường đó đã đến, thì cả nước như “mở cờ”. Toàn dân nô nức, dù đói, dù rét, dù nghèo vẫn thấy tràn ngập hạnh phúc vì được là chủ của đất nước mình, vì đã có quyền lo toan, đóng góp cho sự nghiệp kiến quốc bằng của cải, bằng sức lực, bằng tài trí của mình... Đó là điều cả dân tộc đã trông chờ từ trăm năm.

Trong môi trường chính trị mới, những người hiền tài đều được sử dụng theo đúng khả năng. Họ được giao quyền đúng với năng lực, và khi đã giao quyền thì được tin tưởng tuyệt đối.

Chúng ta còn nhớ những thí dụ rất tiêu biểu:

- Khi đi Pháp đàm phán, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giao quyền Chủ tịch nước cho một nhân sĩ không đảng phái, đó là cụ Huỳnh Thúc Kháng. Trong thời gian 4 tháng vắng mặt, Quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng đã có toàn quyền điều khiển đất nước và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lái con thuyền Việt Nam qua biết bao khó khăn sóng gió.

- Một người không đảng phái nữa là luật sư Phan Anh, đã được giao trách nhiệm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Đảng trưởng Đại Việt Nguyễn Tường Tam được giao chức Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, được cử làm trưởng đoàn phía Việt Nam tại Hội nghị Đà Lạt. Sau đó tại Hội nghị Fontainebleau ở Pháp (đến hội nghị này thì Nguyễn Tường Tam tự ý bỏ việc).

- Đảng trưởng Quốc dân đảng Vũ Hồng Khanh được cử làm phó ủy viên trưởng Hội đồng Quốc phòng tối cao, đã cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh ký kết Hiệp định 6-3-1946.

- Ngay đến vua Bảo Đại và cha Lê Hữu Từ cũng được mời ra làm cố vấn đặc biệt của Chủ tịch nước...

Ngoài ra còn rất nhiều vị không đảng phái đã được mời giữ các chức quan trọng trong Chính phủ (khoảng hơn một nửa bộ trưởng của Chính phủ Hồ Chí Minh là người ngoài đảng). Thực tế cho thấy khi đã được tin tưởng, được tôn trọng, họ hiểu được trọng trách của mình trước dân thì dù khó khăn đến mấy họ cũng tìm cách hoàn thành. Chính môi trường chính trị này là tiền đề đảm bảo cho mọi quyết sách của Chính phủ đưa ra đều được đại bộ phận nhân dân ủng hộ. Trong môi trường đó, cái xấu không có cơ hội và cũng không có môi trường để phát triển. Cũng có một thiểu số người hoặc không chịu đựng được gian khổ, hoặc vì những sức ép khách quan, hoặc vì quá nặng về tư lợi... đã rời bỏ hàng ngũ. Với môi trường chính trị như thế mà rời bỏ hàng ngũ thì cái xấu là ở phía họ, nhân dân và lịch sử đã phán xét một cách công bằng: trường hợp Bảo Đại, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh...

## **2. Môi trường pháp luật**

Môi trường chính trị là cái nền của môi trường pháp luật. Một nền chính trị tốt là điều kiện cơ bản để hình thành môi trường pháp luật tốt, đồng thời nền chính trị tốt đó cũng cần phải được thể hiện một cách cụ thể qua môi trường pháp luật.

Pháp luật cơ bản của một quốc gia chính là Hiến pháp. Thông thường trên thế giới, để soạn một bản hiến pháp, thường mất nhiều năm, phải có “*hàng núi tài liệu*”, phải tập trung rất nhiều chuyên gia trong nhiều lĩnh vực khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội...

Nếu nói đến những điều kiện như thế thì nước Việt Nam lúc đó thiếu thốn rất nhiều. Cả sách vở, cả tài liệu tham khảo, cả đội ngũ chuyên gia của Việt Nam lúc đó đều rất bất cập. Vậy mà chỉ một năm sau khi Cách mạng thành công, với một Chính phủ sáng suốt, với sự tận tụy của đội ngũ trí thức và

các bộ cách mạng Việt Nam, Nhà nước đã xây dựng được bản Hiến pháp đầu tiên. Không những thế, nó còn được đánh giá là bản Hiến pháp tiến bộ nhất ở Đông Nam Á lúc đương thời<sup>1</sup>, so với các giai đoạn sau này, bản Hiến pháp 1946 cũng vẫn là một trong những bản hiến pháp hay nhất của Việt Nam và của các nước mới giành được độc lập tự do. Đó là một kỳ tích của lịch sử.

Cùng với việc xây dựng Hiến pháp, chỉ trong một năm đầu tiên sau Cách mạng, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ban hành gần 1000 điều luật mà nhiều chuyên gia trên thế giới đánh giá là có chất lượng khoa học pháp lý rất cao. Dưới đây không thể kể hết những điều luật đó, chỉ xin đơn cử một số quy định về nhân quyền của người Việt Nam trong một chế độ dân chủ, để qua đó thấy được sự tiến bộ của môi trường luật pháp lúc đó: khác một trời một vực so với hệ thống luật pháp trong chế độ thuộc địa mà nước Pháp - một nước tự cho là văn minh nhất trên thế giới - đã đặt ra cho Đông Dương.

Thông tư ngày 13-9-1945 của Bộ Nội vụ tuyên bố: "*Cấm các cơ quan chức trách không được khám đàn bà ngoài đường, không được tự tiện khám nhà, không được phép bắt người, trừ khi bắt quả tang những người can phạm khinh tội hay trọng tội. Nếu bắt ai phải giải ngay đến Sở Liêm phóng để sở ấy mở cuộc điều tra và lấy cung người can phạm*"<sup>2</sup>.

Thông tư ngày 28-9-1945 ghi rõ: "*Trong khi thi hành những phương pháp để phòng việc xâm lăng, ta không nên quên rằng việc tôn trọng quyền lợi của cá nhân là một nguyên tắc cốt yếu của Chính phủ Dân chủ Cộng hòa đối với nhân dân trong nước*"<sup>3</sup>.

Hiến pháp 1946 khẳng định dứt khoát: "*Tư pháp chưa quyết định thì không được bắt bớ và giam cầm người công dân Việt Nam*" (điều 11), "*Cấm không được tra tấn, đánh đập ngược đãi những bị cáo và tội nhân*" (điều 68).

Sắc lệnh số 84 ngày 29-5-1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh xoá bỏ triệt để việc sử

dụng xe tay để kéo người - một trong những hình ảnh tiêu biểu của chế độ thực dân<sup>4</sup>.

Để thực hiện chủ trương tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân, bình đẳng giữa các tôn giáo, Nhà nước ban hành Sắc lệnh ngày 10-9-1945 yêu cầu: "*Toàn dân phải tôn trọng tất cả các đền chùa, lăng tẩm, nhà thờ, tất cả những nơi có tính chất tôn giáo. Cấm mọi hành động vi phạm*"<sup>5</sup>.

Môi trường luật pháp hiểu theo nghĩa rộng không chỉ là những quy định do luật pháp ban hành, mà còn phải là cả một nếp sống văn minh, dân chủ trong toàn xã hội. Thí dụ như những mối quan hệ giữa bộ máy công quyền với quần chúng dân nhân, tác phong của người công chức mới và thái độ làm chủ của người dân... thì không thể giải quyết bằng những quy định chính thức của luật pháp, mà phải bằng giáo dục. Đó là điều rất khó khăn phức tạp đối với một đất nước vừa mới giành được độc lập, đã trải qua hàng chục năm dưới ách đô hộ thực dân, trong đó các quan chức thì hống hách, coi dân là tôi mọi, dân chúng thì lạc hậu, dốt nát... Chính trong cuộc vận động đời sống mới, những quan hệ này đã được đặt ra và được toàn xã hội hưởng ứng. Trong các lĩnh vực này, quả là cũng có một cuộc cách mạng rất lớn lao. Có thể kể đến 2 tài liệu để chứng minh cuộc cách mạng lớn lao này. Đó là: 9 điều quy định về quan hệ giữa cơ quan nhà nước với công chúng và 14 điều quy định cho công chức ở các công sở.

*9 điều quy định về quan hệ giữa cơ quan nhà nước với công chúng:*

1. Công chức là người giúp dân, không phải là quan
2. Vào công sở chớ khúm núm sợ sệt, mà cũng không lác cắc, ngạo nghễ. Mạnh dạn

---

1. Việt Nam những sự kiện 1945-1986, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1990, tr. 28  
2. Việt Nam dân quốc công báo 1945, tr. 13.  
3. Tlđđ, tr. 22.  
4. Việt Nam dân quốc công báo, 8-6-1946, tr. 306.  
5. Việt Nam dân quốc công báo 1945, tr. 19.

hỏi han: đây là quyền của dân. Hỏi han cho lễ độ: đây là bổn phận của dân

3. Không gọi viên chức là quan. Không gọi viên chức trẻ là cụ. Không nên xưng mình là con, cháu

4. Đem tiền hối lộ là làm điều bất chính

5. Phải tuân lời chỉ dẫn của các viên chức. Phải tôn trọng các luật lệ hợp pháp.

6. Không chịu để cho viên chức đối đãi khinh rẻ, mảy tao hay bắt chầu chực quá đáng

7. Bị oan ức phải kêu, phải tranh đấu, không được nhẫn nhục chịu im

8. Thấy người khác làm bậy không tố cáo là tòng phạm. Tố cáo chính đáng là một bổn phận, không phải là một hành vi hèn hạ

9. Bổn phận của dân là phải năng xem cho hiểu biết luật lệ hiện hành

*14 điều quy định cho công chức ở công sở:*

1. Phải trọng thì giờ của người khác: hỏi ngắn và mau

2. Đến và về đúng giờ là tự trọng

3. Tự kiểm soát mình là tự trọng. Coi việc sở như việc nhà là nghĩ tới nước

4. Làm việc là vì dân, vì nước, không phải vì đồng lương

5. Ăn hối lộ là ăn cắp

6. Không có quyền lấy vật liệu ở sở về dùng vào việc riêng

7. Bổn phận viên chức là phải làm việc cho công chúng sốt sắng và nhanh chóng

8. Không xưng hô sách mé với người có việc

9. Nên giải trí bằng các hoạt động lao lực

10. Giải trí bằng cờ bạc, rượu, thuốc, dĩ bợm không xứng đáng với người tự trọng

11. Được đi làm rồi không phải là cắt đứt với sự học: học để tiến

12. Nên luyện tập một nghề lao động

13. Bỏ thành kiến tự tôn nghề bàn giấy là nghề trí thức cao quý

14. Hàng ngày đọc báo

### **3. Môi trường kinh tế**

*Đối với thương nghiệp*, chỉ 2 ngày sau khi đọc Tuyên ngôn độc lập, ngày 5-9-1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 7/SL đảm bảo sự buôn bán và chuyên chở thóc gạo tự do trong toàn hạt Bắc Bộ<sup>6</sup>.

Chính phủ khuyến khích mở rộng việc buôn bán, làm cho hàng hoá được lưu thông tự do trong toàn quốc. Nhà nước xoá bỏ tất cả mọi hạn chế về việc lưu thông các hàng hoá thông thường cho kinh tế và đời sống: gỗ, giấy, lương thực, thực phẩm...<sup>7</sup>

Kể từ ngày 2-10-1945, Chính phủ mới cho phép tất cả các nhà kinh doanh đều được quyền khai trương, khuyếch trương, nhượng lại hay di chuyển các cơ quan thương mại và kỹ nghệ hay tiểu công nghệ<sup>8</sup>.

Ngày 6-10-1945, Nha Thương vụ Việt Nam được thành lập với nhiệm vụ nghiên cứu các vấn đề thương nghiệp và đề đạt với Chính phủ những chính sách cần thiết. Ngày 7-2-1946 thành lập Tiểu ban nghiên cứu về luật thương mại áp dụng ở Việt Nam.

Tháng 8-1946 Chính phủ đề ra chủ trương mở ngân hàng thương mại có chi nhánh ở các tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng hoạt động thương nghiệp.

Để đảm bảo có một nền thương mại phát triển, Nhà nước không chỉ ban hành các điều luật cho tự do buôn bán, tự do kinh doanh, vận chuyển và có chính sách giúp đỡ các hoạt động đó, mà còn phải giải quyết hàng loạt vấn đề để xây dựng tác phong thương nghiệp mới, văn minh, nhân đạo. Đó cũng là điều không thể quy định trong luật, mà phải có giáo dục toàn dân. Có thể kể ra 8 khẩu hiệu được quy định cho tất cả các chợ búa sau Cách mạng để thấy được quyết tâm của Chính phủ trong việc thay đổi một trong những môi trường kinh tế quan trọng của xã hội, tức các chợ búa.

6. Tlđđ, tr. 6.

7. Nghị định ngày 19-9-1945 của Bộ Quốc dân kinh tế. Việt Nam dân quốc công báo 1945, tr. 21.

8. Nghị định của Bộ trưởng Bộ Quốc dân kinh tế. Việt Nam dân quốc công báo 1945, tr. 23.

*8 khẩu hiệu dành cho các chợ:*

1. Dùng cân kilô, dùng đấu một lít
2. Muốn dễ buôn bán, đừng nói thách
3. Triệt để bài trừ kẻ cắp
4. Triệt để bài trừ ăn mày và hủi quấy
5. Cấm chửi bới tục bản
6. Chỗ người bán hàng phải có một cái chổi và một sọt đựng rác
7. Không buôn vàng mã, rượu, nên buôn sách vở, báo chí
8. Một chợ đời sống mới phải có:
  - Quán thông tin (có báo chí như các phòng thông tin, nếu có thể, có radio)
  - Chỗ phóng uế, chỗ chứa rác
  - Quán vệ sinh (phát thuốc, truyền bá vệ sinh...)
  - Thư viện bình dân
  - Lớp học phổ thông cho người lớn, dạy cả điều phổ thông và nhất là bốn phạm giữ gìn sạch sẽ, kỷ luật ở chợ.<sup>9</sup>

Đối với việc *phục hồi sản xuất*, trong năm 1945 đê bị vỡ ở nhiều nơi, Chính phủ đã khẩn trương triển khai *công tác đê điều*. Chính phủ đã huy động sức dân, các nhà thầu khoán để đảm bảo đê được đắp, hàn khẩu nhanh nhất. Lúc đó cũng đã có người lo ngại cho rằng thầu khoán là bóc lột, là không hợp với chế độ dân chủ. Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định ngay: "*Thầu khoán đắp đê lúc này là yêu nước*"<sup>10</sup>. Câu trả lời trên đã giải tỏa được những vướng mắc về quan điểm. Từ đó Ủy ban Hành chính Bắc Bộ đã mạnh dạn khuyến khích các kỹ thuật viên công chức thời Pháp tham gia đắp thầu. Nhiều người đã tận tụy làm việc tự nguyện không lĩnh lương trong việc đôn đốc công tác đê điều. Nhờ đó, công tác chữa đê và đắp đê được thực hiện nhanh chóng và đảm bảo chất lượng tốt.

Bên cạnh việc đắp đê, phải gấp rút tiến hành trồng trọt. Dân đang đói thì việc số một là chống giặc đói. Chính phủ đã khuyến khích tận dụng mọi đất đai còn trống để trồng trọt, thực hiện khẩu hiệu "*tác đất tác vàng*".

Để thực hiện khẩu hiệu đó, Bộ trưởng Bộ Quốc dân kinh tế Nguyễn Mạnh Hà đã ký Nghị định số 41/BKT ngày 15-11-1945, quy định một loạt biện pháp cấp bách để khuyến khích tận dụng đất đai trống mầu cứu đói: 1- Tất cả những người có ruộng phải khai báo với chính quyền địa phương về diện tích canh tác thực tế. Phần nào chưa canh tác thì buộc phải cho người thiếu ruộng mượn tạm trong một vụ để trồng mầu. 2- Người mượn ruộng phải đảm bảo canh tác hết số diện tích đó trước Tết âm lịch, tức ngày 2-2-1946, và đến tháng 4-1946 thu hoạch xong thì phải trả lại ngay ruộng cho chủ cũ. 3- Vì trâu bò bị chết nhiều qua nạn lụt và nạn đói, nên sức kéo kham hiểm nghiêm trọng. Để khắc phục khó khăn này, các địa phương phải tổ chức sản xuất những loại nông cụ nhỏ và nhẹ để người có thể sử dụng thay cho sức trâu bò. Bộ Quốc dân kinh tế có những chỉ đạo trực tiếp đối với các nhà kỹ nghệ để họ cấp tốc sản xuất thêm nông cụ và bán ủng hộ cho nông dân<sup>11</sup>.

Bằng tất cả những cố gắng đó của Chính phủ và của toàn dân, chỉ mấy tháng sau Cách mạng, Việt Nam đã khắc phục được nạn đói đã từng làm chết 2 triệu người. Đó cũng là một trong những kỳ tích lớn của Cách mạng.

Đối với *kinh tế tư nhân*, Chỉ thị ngày 25-11-1945 của Trung ương Đảng khẳng định: "*Cho tư nhân góp vốn vào việc kinh doanh các nhà máy và hầm mỏ ấy, khuyến khích các giới công thương mở hợp tác xã, mở các cổ phần tham gia kiến thiết lại nước nhà.*"

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký một loạt Sắc lệnh cho phép tư nhân khai thác mỏ, huỷ bỏ những đạo luật và nghị định của Toàn quyền Pháp giữ độc quyền của người Pháp trong việc tìm kiếm và khai thác mỏ (Nghị định ngày 30-5-1913 và 16-2-1918, Nghị định ngày 18-11-1918, Nghị định ngày 28-11-1937, Nghị

9. Dẫn theo Ngô Quang Châu. Một kế hoạch thiết thực vận động đời sống mới, Tạp chí Tiên phong, số 15-16-17, năm 1946, Hội Văn hoá cứu quốc.

10. Trích trong hồi ký Nguyễn Xiển.

11. Việt Nam Dân quốc công báo 1945, tr.10.

định ngày 24-1-1943, Nghị định ngày 16-11-1944, Sắc lệnh số 89 ngày 30-5-1946, Sắc lệnh số 90 ngày 30-5-1946...).

Chính phủ cũng chủ trương mở lại các mỏ than ở Hòn Gai (Quảng Ninh), Tân Trào (Tuyên Quang), Làng Cẩm và Phấn Mễ (Thái Nguyên), Quyết Thắng (Ninh Bình), tiếp tục khai thác mỏ thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng). Nhà nước cũng cho gấp rút phục hồi Nhà máy cơ khí Trường Thi. Đây vốn là một nhà máy có nhiều máy móc. Tháng 8-1945, công nhân đã chiếm nhà máy và đặt ra một Ủy ban để điều khiển. Từ đó nhà máy vừa sửa chữa xe lửa, vừa sửa chữa vũ khí.

Đối với các công ty tư bản Pháp và nước ngoài nói chung, Chính phủ chủ trương vẫn để cho tiếp tục công việc kinh doanh như cũ, nhưng có sự kiểm soát của Nhà nước. Sắc lệnh ngày 9-10-1945 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký khẳng định hai điều:

1- "*Các hãng kỹ nghệ hoặc thương mại ngoại quốc hiện có ở Việt Nam vẫn được phép tiếp tục công việc kinh doanh như cũ.*"

2- "*Vì nền trật tự công cộng, Chính phủ Việt Nam có quyền kiểm soát và nếu cần, có quyền đặt những ban chuyên môn để giữ nhiệm vụ đó*"<sup>12</sup>.

Sắc lệnh còn ghi rõ: "*Xét rằng sự đình trệ các ngành kinh tế có phương hại cho cuộc sinh hoạt của quốc dân*". Nhờ chủ trương đó, hầu hết các xí nghiệp thiết yếu vẫn hoạt động bình thường, như các xí nghiệp thuộc các ngành điện nước (ở các thành phố), vải sợi (Nam Định), dệt len, xi măng (Hải Phòng), gạch ngói (Đáp Cầu), xăng dầu (Sở Dầu Á-tế-Á), sửa chữa cơ khí (Hà Nội, Hải Phòng).

Đối với một số cơ sở có liên quan thiết yếu tới đời sống nhân dân và hoạt động của bộ máy Chính phủ, Nhà nước đã trưng thu để đảm bảo sự hoạt động bình thường, tránh những trục trặc do chủ ngoại quốc cố tình gây ra. Đó là trường hợp Nhà máy nước Hà Nội, Nhà máy luyện kim Hà Nội, cơ sở và võ tuyến điện của hãng Air France.

Thừa nhận quyền kinh doanh của tư nhân và tư bản nước ngoài, Nhà nước bắt đầu chú ý đến giải quyết những vấn đề về *quyền lợi của người lao động*. Nghị định số 1 ngày 1-10-1945 của Bộ trưởng Bộ Lao động quy định: "*Các xưởng kỹ nghệ, các nhà thương mại, các hãng vận tải, các chủ đồn điền, các điền chủ và các sở mỏ nào muốn thải nhân công, bất luận là thuộc về hạng nào, lương tháng hay là lương ngày, v.v... mà đã làm với chủ từ 3 tháng trở lên, phải báo trước ít nhất là một tháng để tìm công việc khác. Trong tháng ấy người bị thải hồi vẫn được lương mình thường lĩnh*"<sup>13</sup>. "*Đối với người đã làm với chủ một năm trở lên phải được chủ trả phụ cấp mỗi năm ít nhất 50 đồng*"<sup>14</sup>.

Nghị định này được thực hiện đến tháng 3-1947. Ngày 12-3-1947 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 29/SL, quy định đầy đủ và chi tiết hơn những quan hệ giữa các chủ nhân người Việt Nam hay người ngoại quốc với các công nhân Việt Nam làm tại các xưởng kỹ nghệ, hầm mỏ, thương điểm.

#### 4. Môi trường giáo dục

Ở Việt Nam cũng như trên thế giới, các nhà nghiên cứu thường xem xét giáo dục trong môi trường văn hóa - xã hội nói chung. Nhưng sau Cách mạng tháng Tám thì giáo dục quốc dân là một vấn đề đặc biệt, đột xuất, có ý nghĩa sinh tử. Có lẽ cũng chưa có nước nào trên thế giới, chưa có Chính phủ nào trong lịch sử lại gọi dứt nát là một thứ giặc. Ngày đầu tiên sau khi đọc Tuyên ngôn độc lập, ngày 3-9-1945 trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh khai mạc bằng câu nói: *3 nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ ta là: phải chống giặc đói; phải chống giặc dốt; phải chống giặc ngoại xâm*... Như vậy Chính phủ Hồ Chí Minh

12. Tlđđ, tr. 34-35.

13. Tlđđ, tr. 29-30.

14. Tlđđ, tr. 31.

đã coi sự đốt nát là thứ giặc nguy hiểm thứ hai sau giặc đói. Giáo dục chính là một mặt trận, một cuộc chiến tranh chống giặc đốt. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nói về loại giặc này: *Một dân tộc đốt là một dân tộc yếu*. Do đó, một môi trường hoàn toàn mới của nền giáo dục Việt Nam đã hình thành.

Trước Cách mạng Tháng Tám, Việt Nam vốn đã là một nước lạc hậu, tuy “được” thực dân Pháp “khai hóa” suốt 80 năm, mà 90% dân chúng vẫn không biết đọc, biết viết. Không biết đọc thì không biết và không hiểu được những chủ trương chính sách của Chính phủ, của chế độ mới, không đọc được những khẩu hiệu cách mạng, không xem được báo, không hiểu được quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Như vậy làm sao thực hiện được một trong những tôn chỉ lớn của chế độ là: dân chủ? Do đó, vấn đề cấp bách đặt ra làm sao cho toàn dân biết chữ.

6 ngày sau khi tuyên bố độc lập, Chính phủ ra Sắc lệnh số 17 thành lập cơ quan Bình dân học vụ, mà nhiệm vụ chủ yếu là thực hiện xoá nạn mù chữ trong toàn dân. Cũng ngày đó, Nhà nước quy định trong vòng 6 tháng tất cả các làng và đô thị đều phải có ít nhất một lớp dạy bình dân học vụ. Việc học là bắt buộc đối với tất cả những người không biết chữ. Từ 8 tuổi trở lên, nếu không biết đọc biết viết sẽ bị phạt tiền. Ở nông thôn, tất cả chợ búa đều có hàng rào vây quanh. Những người đi chợ bắt buộc phải đọc được những chữ cái mới được vào mua và bán hàng... Trong nhà tù cũng mở lớp bình dân học vụ. Phạm nhân bị bắt buộc phải học và phải được cấp bằng xoá nạn mù chữ thì mới được xét ân xá. Ngày 1-10-1946, tại lễ phát bằng cho những phạm nhân đã trúng tuyển kỳ thi sát hạch bình dân học vụ<sup>15</sup>.

Ngày 18-6-1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ra quyết định về kinh phí cho các hoạt động bình dân học vụ ở các địa phương. Thông tư số 1713NV/PC quy định tất cả các xã phải lập ra một quỹ bình dân học vụ, hàng năm quỹ này không dưới 1.000 đồng.

Quả là, cả nước đã đối xử với nạn đốt như với một thứ giặc. Cả Chính phủ, cả Bộ Giáo dục và toàn dân đều ra sức đánh giặc đó, và đã đánh thắng trước khi đánh thắng giặc ngoại xâm.

Cùng với việc xoá nạn mù chữ, Chính phủ không chỉ dừng ở chỗ giúp cho toàn dân biết đọc biết viết, mà còn tính đến việc cách mạng hóa nền giáo dục, trong đó cả cách thức dạy và học, cả quan niệm về học, cả thái độ của Nhà nước đối với giáo dục... đều phải thay đổi. Chính phủ chủ trương xoá bỏ quan niệm học để làm quan, để kiếm sống, xây dựng ý thức mới: học không chỉ là học cho mình, mà học cho đất nước, cho nhân dân, để giúp nước, giúp dân.

Có thể dẫn ra dưới đây 6 khẩu hiệu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra cho trường học để thấy rõ tính cách mạng đó:

1. Học cũng là làm việc nước
2. Phải học thêm một nghề chân tay
3. Phải tập thể thao, ít nhất là phải biết bơi
4. Ngày nghỉ đi làm giúp việc công
5. Truyền bá ra người xung quanh những điều học được
6. Học không phải để độ thân. Học là để sau ra làm việc cho dân<sup>16</sup>.

### **5. Môi trường văn hoá - xã hội**

Cách mạng Tháng Tám đứng trước một vấn đề: một loạt những thói quen và những quan niệm cũ kỹ. Đó là những nếp sống cũ, những lễ giáo và những hủ tục lạc hậu trong hầu hết các quan hệ xã hội: nam - nữ, trên - dưới, vua - tôi, chủ - thợ, vợ - chồng, cha - con, thầy - trò... Đó cũng là những khuyết tật trong phong cách của con người Việt Nam cũ trong đời sống hằng ngày: ở nhà, ở nơi công cộng, thái độ đối với công việc, với cộng đồng, với Tổ quốc, với thế giới... Trong những quan

15. Tạp chí Tiên Phong số 21, 1946, tr. 33.

16. Dẫn theo Ngô Quang Châu. Một kế hoạch..., Tlđd.

niêm đó, có biết bao nhiêu điều cần phải làm cách mạng. Chẳng khác gì công cuộc chống giặc đói, chống giặc ngoại xâm, Chính phủ đã phát động một phong trào rộng khắp nước để thay đổi nếp sống trong hầu như tất cả mọi lĩnh vực, trong mọi quan hệ, ở mọi nơi, mọi chốn. Đó là phong trào "Đời sống mới".

Những nội dung chính của phong trào đó là:

- Nam nữ bình quyền. Phụ nữ được giải phóng khỏi những định kiến cổ hủ. Phụ nữ cũng tham gia việc nước. Lao động không phải là việc của kẻ thấp hèn. Nữ sinh con nhà giàu có cũng hăng hái tham gia tăng gia sản xuất, tham gia phong trào cứu đói, Quỹ độc lập, Tuần lễ vàng, bình dân học vụ... Phụ nữ tham gia các đội cứu thương, tham gia vào các tổ chức đi lạc quyền. Nhờ đó một nửa dân số đã thực sự được giải phóng, tham gia vào đời sống xã hội và có những đóng góp lớn lao.

- Các dân tộc trong nước đều bình đẳng.

- Các thành phần trong xã hội đều bình đẳng và là bạn bè với nhau. Sĩ-nông-công - thương là bầu bạn. Công - nông - binh sĩ là một nhà... Tất cả đều quây quần như anh em ruột thịt để xây dựng ngôi nhà chung, đó là Tổ quốc Việt Nam. Từ đó đi tới sự bình đẳng giữa chủ và thợ, giữa cán bộ và nhân dân, giữa người lãnh đạo và người bị lãnh đạo. Lần đầu tiên, trong xã hội đã xuất hiện quan niệm "cán bộ là tôi tớ của nhân dân".

- Xoá bỏ mọi hủ tục, mê tín, dị đoan và các tệ nạn xã hội như: cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, đĩ điếm...

- Mọi sinh hoạt xã hội và cá nhân đều phải lấy tiêu chuẩn là tiết kiệm, thiết thực, phụng sự Tổ quốc. Do đó, những tục lệ đình đám, cưới hỏi, ma chay tốn kém rườm rà đều được xoá bỏ.

Một thí dụ: đám cưới đời sống mới là một trong những sản phẩm rõ nét nhất của phong trào Đời sống mới. Trước đây nam nữ lấy nhau phải qua biết bao nhiêu khâu phức

tạp: dạm ngõ, ăn hỏi, vu quy, lại mặt... Bây giờ chỉ cần đoàn thể, chính quyền, gia đình, bạn bè cùng có mặt, không cần mặc áo cưới đặc biệt (làm gì có điều kiện để sắm áo cưới!), không cần tiệc tùng linh đình, không cần phải trầu cau hay các thủ tục của "thọ mai gia lễ", chỉ cần đại diện cho đoàn thể hay chính quyền tuyên bố rằng hai bên đã thương yêu nhau và từ nay là vợ là chồng. Sau đó mỗi người đều lao vào công việc.

Phong trào Đời sống mới đã khai thác và mở ra cho xã hội biết bao nguồn sức mạnh, tiết kiệm biết bao nhiêu của cải. Cả một luồng gió mới thổi vào xã hội. Luồng gió đó thực sự mang lại sức sống, niềm vui và hạnh phúc cho mọi người.

Có thể ghi lại dưới đây một số khẩu hiệu mà phong trào Đời sống mới đã đặt ra, như những bài học vỡ lòng rất cụ thể cho mỗi công dân về môi trường văn hóa - xã hội:

*Nhà ga:*

1. Muốn khỏi chen chúc phải xếp hàng lúc lấy vé
2. Không được nhổ bậy, vứt rác bậy
3. Nền ngồi gọn, đừng ăn cắp chỗ người khác
4. Phải lễ phép, nhã nhặn với người cùng đi
5. Trẻ nhường chỗ cho già. Mạnh nhường yếu. Giúp đỡ người tay bồng tay bé
6. Một nhà ga đời sống mới phải có: nhà xí, phòng chờ có ghế, có ống nhổ, sọt rác...

*Phố xá:*

1. Phải tuân lời cảnh sát
2. Cảnh sát là bạn của dân chúng, không phải là tên lính chỉ vụt và chửi
3. Vỡ trái cây, giấy gói bánh... nên tìm sọt rác ở bên đường mà vứt vào
4. Chớ đi nghênh ngang vướng nghẽn đường sá
5. Đái bậy, ỉa bậy là ích kỷ, đáng khinh
6. Không tắm truồng ở phố
7. Không đổ rác trộm ra phố



8. Phải giản dị

Ngày giỗ:

1. Không đốt vàng mã
2. Không là một dịp chè chén, cờ bạc, rượu phìen
3. Phải là một ngày kỷ niệm thành kính mà đơn giản.<sup>17</sup>

Trong không khí đổi đời và bừng bừng khí thế cách mạng lúc đó, ở tất cả mọi địa phương, gần như không ai bảo ai, những tệ nạn xã hội mặc nhiên bị dẹp bỏ. Những hủ tục mê tín dị đoan giảm bớt hẳn. Nạn trộm cắp, cờ bạc gần như bị xoá sạch, không phải bởi một sắc lệnh hay bởi một quyền lực nào, mà bằng không khí xã hội. Trong không khí xã hội lúc đó, cũng không ai có thể ngồi đánh cờ, đánh bạc, đi hát cô đầu hay rượu chè bê tha... Lúc đó, cả xã hội đang lao vào chống giặc đói, chống giặc dốt, ai có của góp của, ai có công góp công, kể cả những kẻ chuyên trộm cắp cũng không nỡ đi ăn trộm ăn cắp nữa. Cuộc sống lương thiện như một nhu cầu nội tâm của con người. Đó cũng là một sức mạnh tâm linh mà phong trào Đời sống mới đã đem lại. Hiệu quả giáo dục của nó còn mạnh cả hệ thống răn đe của những nhà tù, cảnh sát thời Pháp thuộc.

**6. Môi trường tự nhiên**

Trong những điều kiện cực kỳ khó khăn sau Cách mạng, đói, rét, bệnh dịch, ngân sách thiếu thốn, vấn đề môi trường tự nhiên cũng vẫn được đặt ra như một nhiệm vụ cách mạng. Nhà nước bắt đầu chú ý tới vấn đề bảo vệ môi sinh.

Theo Sắc lệnh số 77 ngày 21-12-1945, Nhà nước cấm tự tiện chặt cây ở các thành phố, trừ những trường hợp cần thiết đặc biệt. Tại thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban hành chính ra Nghị định đánh thuế chặt cây: cây dưới 5 năm là 100 \$ (đồng Đông Dương); cây từ 5 năm đến 10 năm là 200 \$; cây trên 10 năm là 500 \$<sup>18</sup>. Nếu so với giá gạo thời kỳ đó, khoảng 200 - 400 \$/tạ thì thấy rằng mức thuế kể trên thực chất là 1 loại phạt khá nặng: chặt 1 cây trung bình 5

năm mất gần nửa tạ gạo, chặt 1 cây trên 5 năm mất gần 1 tạ gạo, chặt 1 cây trên 10 năm mất gần 2 tạ gạo... Khó có thứ lợi gì do gỗ, do củi của cái cây đó có thể bù đắp được mức thuế này. Như vậy, Hà Nội ngay từ sau Cách mạng đã có những biện pháp kinh tế để bảo vệ màu xanh của thành phố.

Thông tư số 1303BCN/VP, ngày 28-6-1946 đã lưu ý rằng bảo vệ rừng là yếu tố quan trọng số một để chống lũ lụt. "*Nếu đắp đê là để cho nước khỏi tràn vào ruộng, thì giữ rừng là tránh cho nạn lụt khỏi xảy đến. Ngoài ra rừng còn giữ gìn đất đai khỏi bị nước sôi, điều hoà khí hậu cùng thời tiết, ngoài việc giảm sức tàn phá của nạn lụt còn tránh được nạn hạn một phần nào*"<sup>19</sup>.

**Thay lời kết:**

Cách mạng Tháng Tám và Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ để lại cho chúng ta một tài sản vô giá là nền độc lập dân tộc, mà còn để lại cho chúng ta một bài học quý báu về mối quan hệ giữa phát triển và môi trường.

Những chuyện đơn cử kể trên, tuy chưa thể gọi là đầy đủ, nhưng đã phản ánh những kỳ tích của Nhà nước Việt Nam hơn một năm sau Cách mạng. Trong khi thiếu thốn đủ mọi bề, khó khăn đủ mọi phía, mà làm nên được những kỳ tích đó là vì đâu?

Chắc không thể giải thích được rằng việc giải quyết thành công hàng loạt vấn đề môi trường kể trên là nhờ lúc đó ta một trình độ kinh tế cao, một ngân sách dồi dào! Khi giành được chính quyền, Chính phủ Hồ Chí Minh chỉ có hơn hai triệu đồng tiền hào rách lấy được trong ngân khố Đông Dương. Số tiền hào rách này thực tế là đã phải đem đốt đi, vì không còn tiêu được nữa. Nhưng nếu giả định có thể dùng để chi tiêu, và tính theo thời giá lúc đó, thì tổng số tiền đó cũng chỉ mua được có 3 tấn gạo!

17. Dẫn theo Ngô Quang Châu. Một kế hoạch... Tidd.  
18. Việt Nam dân quốc công báo, ngày 1-8-1946, tr. 505.  
19. Tidd, ngày 13-7-1946, tr. 368.

Vậy mà chống đói, chống lụt, chống giặc dốt, chống giặc ngoại xâm, xây dựng một nền văn hóa giáo dục cách mạng... Đâu phải là nhờ nhiều tiền! Đâu phải là nhờ trình độ phát triển!

Nếu nói rằng phải có dân trí mới giải quyết tốt vấn đề môi trường, thì dân ta lúc đó 90% mù chữ, bị ràng buộc bởi bao nhiêu lễ giáo, hủ tục, những thói quen lạc hậu của xã hội cũ... Làm sao có thể nói được dân trí cao hơn ngày nay hoặc sánh ngang tầm thế giới!

Nếu nói về những nhân tài của đất nước, thì lúc đó cũng có đấy, nhưng làm sao so được với ngày nay, càng không thể nào so được với các nước văn minh trên thế giới lúc đó!

Vậy mà trong những điều kiện vô cùng eo hẹp đó, vẫn đạt được những kỳ tích kể trên.

Tại sao?

Trong nhiều nguyên nhân, có một nguyên nhân có tính chất quyết định: lòng yêu nước của toàn dân.

Nhưng lòng yêu nước của nhân dân thì lúc nào cũng có. Vậy tại sao trong những thập kỷ trước đó nó không làm nên được những kỳ tích? Vấn đề là lòng yêu nước đó phải được một Đảng, một Nhà nước, một lãnh tụ phát động và định hướng đúng vào những mục tiêu cơ bản, nhằm giải quyết những vấn đề sinh tử của dân, do dân và vì dân.

Chính sự kết hợp của lòng yêu nước và một đội ngũ lãnh đạo thực sự là của dân, do dân và vì dân là một "hợp chất" để tạo nên những kỳ tích.

Xưa nay trong lịch sử thế giới đã có không ít những thí dụ chứng minh rằng: Một quốc gia có thể rất giàu có, có trình độ văn minh rất cao, nhưng nếu Nhà nước không phải là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, thì sớm muộn cũng không thể phát triển được, thậm chí bị sụp đổ, cơ đồ sẽ tan nát, có khi đi tới thảm họa. Đế quốc La Mã sau công nguyên, đế chế Môn - Khơme thời Ăng-co, chế độ Quốc xã ở Đức thời Hitle... là những tấm gương tây liếp.

Cách mạng Tháng Tám và Chính phủ Hồ Chí Minh đã chứng minh điều ngược lại. Nước nghèo, dân trí chưa cao, nhân tài còn thưa vắng, nhưng nếu đó là Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân, thì dân cũng khắc sẽ coi Nhà nước đó là của mình, do mình, vì mình. Quả vậy: biết bao người Việt Nam thời đó ở bất cứ đâu cũng coi mình là "dân Cụ Hồ". Trong môi trường đó, Nhà nước nói - dân nghe, Nhà nước bảo - dân làm. Đó là sức mạnh để vượt qua bao nhiêu khó khăn, để làm nên vô vàn kỳ tích.

Chính bài học lịch sử này giúp cho chúng ta càng thấm thía một chân lý: vấn đề môi trường là vấn đề của cả dân tộc, nó sẽ được giải quyết tốt nếu mỗi người dân coi vấn đề môi trường là vấn đề sinh tử của chính mình.../.